

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 2

Phẩm 1: NÓI VỀ BẢN SỰ (PHẦN 2)

Căn, cảnh, đã nói trong Sắc uẩn, chỉ là vô biểu, khác, nay ở đây sẽ nói:

Tụng rằng:

*Tâm loạn hay vô tâm.v.v...
Theo dòng, tịnh, bất tịnh
Tánh do đại chủng tạo
Do đó, gọi “vô biểu”.*

Luận nói: Tâm rối loạn, vô tâm v.v... Vân vân là chỉ chung cho cả hai chỗ, tức tâm không rối loạn và phần vị của có tâm. Bất thiện, vô ký, gọi là tâm rối loạn. Tâm còn lại gọi là không rối loạn. Định vô tướng diệt gọi là vô tâm, vì định này có thể diệt tâm. Tuy có quả vị vô tâm khác, nhưng vô biểu sắc chẳng phải bị theo dòng, nên nói vô tâm không xếp vào trong vô biểu kia. Đối với ba tánh, tâm và vị vô tâm nối tiếp tương tự, nên gọi là theo dòng. Tịnh, bất tịnh, nghĩa là thiện, bất thiện. Tâm thiện v.v... khởi, gọi là vô biểu tịnh. Nối tiếp tương tự, gọi là luật nghi, hoặc phi luật nghi. Tâm bất thiện v.v... dấy khởi, gọi là vô biểu bất tịnh. Nối tiếp tương tự, gọi là bất luật nghi, hoặc phi bất luật nghi.

Nếu tâm vô ký, cũng là hai thứ: Sát-na và đẳng khởi. Do đó nên nói hai tâm đẳng khởi. Nhưng hai vô biểu sắc của tịnh, bất tịnh theo tâm chuyển kia hoặc không tương tự. Như vô biểu tịnh, hoặc hoàn toàn vô tâm. Nhân nơi tâm đẳng khởi cả hai đều tương tự.

Đã nói về tâm rối loạn, vô tâm v.v... theo dòng tịnh, bất tịnh.

Lại, nói về chỗ tạo của đại chủng: Hữu dư là theo dòng tịnh, bất tịnh mà được, vì phân biệt nơi tịnh kia, nên nói là tạo ra sắc, trong đó tạo tức nghĩa nhân của biểu.

Hỏi: Làm sao biết như thế?

Đáp: Như Khế kinh nói: Sắc tạo ngã kiến, tức là do sắc dấy khởi ngã kiến. Lại nói: Do đó gọi vô biểu: Do tâm sở thiện, bất thiện bình đẳng khởi mà các sắc tịnh, bất tịnh theo dòng. Mặc dù như biểu nghiệp, nhưng chẳng phải biểu thị khiến người khác biết rõ, nên gọi là vô biểu. Vì hiển bày như cho nên gọi là nhân duyên. Cho đó nói: Do thuyết này hiển bày điều ấy, là ý của sư khác. Kinh chủ không thừa nhận chủng loại vô biểu sắc như thế.

Tóm lại, dựa vào sự khác nhau của nghiệp biểu thân, ngữ và sự khác nhau của tâm thiện và bất thiện mà sinh ra sắc thiện, bất thiện vô ngại, gọi là vô biểu. Nay cho là Kinh chủ, trong tụng này, không thể nói đủ về tướng của vô biểu sắc, do nói theo dòng gọi là vô biểu. Thuyết kia tự giải thích: Nối tiếp, tương tự gọi là theo dòng, chẳng phải là Sát-na đầu có thể gọi là nối tiếp, chớ có sai lầm thái quá.

Cho nên, quyết định niệm đầu là vô biểu không xếp vào trong tướng đã nói. Lại, nối tiếp là giả, chẳng phải thật. Vô biểu chẳng phải là thật làm mất tông chỉ của Đối pháp.

Lại, xác định chỗ phát ra phần vị vô tâm, rối loạn, không theo dòng, nên chẳng phải vô biểu. Nếu nói trong phần vị có tâm, không rối loạn, ở đây theo dòng nên không có lỗi ấy, tức nghiệp biểu tịnh, bất tịnh lẽ ra có tướng vô biểu. Lại, cho rằng nói v.v... là chung cho vô tâm, thì lời ấy không có tác dụng, vì trước đã thâm nhiếp, nên nói v.v... của tâm rối loạn đã thâm nhiếp tất cả các phần vị có tâm còn lại.

Hỏi: Lời nói vân vân thứ hai, thuộc về pháp nào?

Đáp: Kinh chủ nên xét, hoặc cho vân vân sau thâm nhiếp, tâm không rối loạn, còn trước kia không có tác dụng. Điều này không nên như thế, vì không có dung nạp thâm nhiếp.

Hỏi: Phần vân vân sau dung nạp gì để thâm nhiếp tâm không rối loạn?

Đáp: Đây là lời nói ngăn dứt về lý ở nơi xứ tương tự khởi. Nhân không có khởi v.v... về lý, không bằng xứ khác, nên chẳng phải thâm nhiếp hoàn toàn. Hoặc có thể nói tâm rối loạn, trở thành không có tác dụng. Lại, nên nói đơn giản rằng chỉ cho vô biểu tịnh, đối với phần vị vô tâm theo dòng, chẳng phải pháp khác. Ở trong chỗ tự giải thích, cũng không phân biệt, nên đối với lý này, Kinh chủ nên xét.

Hỏi: Thế nào là sự lia lỗi, gọi là tướng của vô biểu?

Tụng nói:

Tạo tác cùng tâm khác

Và vô tâm, hữu ký

*Tánh chỗ tạo không đối
Gọi là vô biểu sắc.*

Đã nói về vô biểu, trong đây nói về chỗ tạo của đại chủng.

Hỏi: Thế nào là đại chủng?

Tụng nói:

*Đại chủng tức bốn giới
Là đất, nước, gió, lửa
Tạo thành nghiệp giữ gìn
Tánh cứng, ướt. ấm, động.*

Luận nói: Các đại chủng này vì sao gọi là giới? Vì là chỗ sinh ra của tất cả sắc pháp, nên cũng từ đại chủng, đại chủng sinh ra. Các chỗ sinh ra ở thế gian gọi là giới, như quặng vàng v.v... đặt tên là giới vàng v.v..., hoặc là chỗ sinh ra các thứ khổ, nên gọi là giới, ví dụ như trước nói, có thuyết cho rằng: Vì có công năng gìn giữ tự tướng của đại chủng và sắc được tạo nên gọi là giới. Các giới như thế cũng gọi là đại chủng.

Hỏi: Vì sao gọi là Chủng? Thế nào gọi là Đại?

Đáp: Sự khác nhau của vô số thứ sắc tạo lúc sinh, sự sai khác của phẩm loại nơi vô số sắc tạo kia có thể khởi, cho nên gọi là Chủng.

Có thuyết nói: Vì nghiệp tăng thượng của hữu tình, nên sinh tử từ vô thủy chưa từng không có, do đó gọi là chủng. Hoặc pháp xuất hiện thì gọi là có, sinh trưởng tánh có, cho nên gọi là Chủng. Tức là nghĩa của pháp sinh trưởng có tánh. Hoặc là nghĩa sinh trưởng thân hữu tình. Hoặc có thể hiển bày mười thứ sắc tạo, cho nên gọi là Chủng. Vì do uy lực này, nên hiển bày rõ sắc tạo kia.

Nếu vậy thì sẽ có lỗi lớn, vì tất cả nhân duyên đối với phần vị của quả sinh đều có công dụng. Không có lỗi lớn, vì có công dụng của Đại. Gọi là đại dụng, tức trong các việc căn bản của các hữu tình, với bốn chủng như thế, đều có tác dụng tốt hơn, dựa vào tác dụng này, kiến lập thức với không, tức gọi là căn bản của hữu tình. Vì phân biệt với chỗ khác, nên lại gọi là Đại.

Lại, đối với việc lừa dối người ngu, bốn thứ ấy là hơn hết nên gọi là đại. Như sự nghiệp thù thắng trong việc sửa đổi chỗ hại hoàn toàn khác nhau nên gọi là Đại, là uốn nắn chỗ hại lớn. Như thế, sự thù thắng trong bốn nhân duyên ấy gọi là Đại, khác với loại còn lại, không có lỗi thái quá.

Có thuyết nói: Bốn chủng này là chỗ nương tựa cho tất cả sắc khác, vì rộng khắp nên gọi là Đại.

Thuyết khác nói: Trong nhóm của tất cả sắc v.v..., có đủ chất cứng v.v... nên gọi là Đại. Trong thiếu sắc v.v... thì tăng gió, trong nhóm thiếu vị v.v... thì tăng lửa. Các nhóm của cõi Sắc đều không có hương, vị, trong nhóm xanh v.v... thiếu màu vàng v.v... trong nhóm trơn láng v.v... thiếu chất nhám v.v... âm thanh v.v... thì không nhất định, cho nên chỉ bốn chủng này, gọi là Đại.

Hỏi: Vì sao hư không không gọi là đại?

Đáp: Vì tướng của đại chủng kia không thành lập. Do có thể tổn giảm tăng thêm, nên đặt tên đại chủng, hư không thì không đúng, nên chẳng phải đại chủng.

Hỏi: Há chẳng phải hư không, vì có thọ nhận, nên hay tổn giảm, tăng thêm?

Đáp: Hư không thật sự không có công dụng thọ nhận, không thể nhóm họp sắc có thể tụ tập, tùy theo chỗ trụ ở phương hướng, hư không mở, đóng.

Hỏi: Hư không thọ nhận thế nào?

Đáp: Là tự nhiên không đối đãi, nên không tạo chướng ngại trụ kia, do là hư không không có tác dụng tổn ích.

Hỏi: Nếu vậy thì vì ý gì tạo ra thuyết như thế?

Đáp: Vì khả năng thọ nhận, nên gọi là hư không. Ý thuyết này nói: Vì có hư không, nên khiến cho sắc có đối lần lượt dung chứa nhau, do giới hư không tương tự với phần ít tướng hư không, nên có xứ này giả gọi là hư không. Giới không tức là cổ họng v.v... có công năng khiến chúng sinh nuốt thức ăn qua cổ họng, và có chuyển biến việc tiện lợi v.v... Do không có công năng chấp nhận tổn ích, cho nên, hư không nhất định chẳng phải là đại chủng. Lại, các đại chủng chẳng phải là một, chẳng phải thường, tự tướng rất nhiều quả, vô lượng riêng khác, tự tánh hư không là một, là thường, tướng không khác nhau, hoàn toàn không có quả, chẳng phải không có nhân riêng có sinh, quả khác. Cho nên, hư không chẳng gọi đại chủng. Nếu cho rằng, nhân khác vì có khác nhau, nên có thể giúp hư không sinh ra quả khác, tức nhân riêng này có công năng sinh quả khác, đâu chấp hư không này làm nhân?

Có thuyết nói: Vì tánh hư không là thường, nên tướng phần vị của pháp sinh diệt không có khác nhau, vì địa v.v... thì không thế, nên pháp không đồng. Hiện thấy trong phần vị chủng v.v... của đại chủng, tướng chúng chuyển biến phần vị mầm v.v... khởi, hư không vô vi thì không đúng. Vì tánh tướng là thường, nên tác dụng đều không có. Vì đã không thể sinh, nên chẳng phải đại chủng. Lại, ở trong đây, do hai thứ Đại

và Chung vì nói đủ, nên chỉ có bốn nghĩa thành, hư không có đại, mà không có nghĩa chung, vì chung với công năng sinh, gọi là khác nhau.

Có thuyết nói: Hư không cũng không có nghĩa đại, vì thể chẳng phải sắc, nên sắc tạo và hữu vi khác, vì tánh chẳng phải sắc có thể sinh, nên là chung, chẳng phải “đại. Như trước đã nói, vì hai nghĩa đại chung lẫn nhau không thành, nên thiếu bất cứ một loại nào thì không thể. Vì sinh thành sắc được tạo, nên đại chung chỉ có bốn, không thêm, không bớt. Phái Tỳ-bà-sa nói rằng: Giảm, thì không có khả năng, tăng thì vô dụng, nên chỉ có bốn, như chân giữơng, chân ghế.

Có thuyết nói: Đại chung pháp như thế chỉ có bốn.

Có thuyết nói: Đại chung đối với sắc được tạo, chỉ cần gìn giữ, thấu nhiếp, thành thực, nuôi lớn bốn nghiệp, nếu giảm, hoặc tăng, sẽ không có khả năng, không có công dụng.

Làm sao biết được? Vì bốn đại chung thường không rời nhau, như kinh Nhập Thai và kinh Đại Tạo nói: “Nên biết cho rõ”, lại theo lý nên vậy.

Những gì là lý? Nghĩa là trong đá v.v... hiện có công năng nhiếp giữ sinh lửa, tăng rơi vào ba nghiệp có thể được, nên biết được ở đây có nước, lửa, gió, thường không rời nhau. Ở trong các thứ nước, hiện có ba nghiệp sự gìn giữ, nhiếp giữ tánh ấm áp, lưu động có thể được, nên biết được ở đây có đất, lửa, gió thường không lia nhau. Ở trong ngọn lửa, hiện có ba nghiệp gìn giữ, thấu nhiếp tụ kích động, có thể được, nên biết ở đây có đất, lửa, gió thường không lia nhau. Trong nhóm gió, hiện có công năng gìn giữ, khởi ba nghiệp xúc lạnh, ấm có thể được, nên biết ở đây có đất, nước, lửa thường không rời nhau.

Hỏi: Lại, làm sao biết bốn giới như thế, do nhân duyên này thường theo đuổi nhau? Do nhân duyên này, có thể thành nghiệp gìn giữ v.v...?

Đáp: Nghĩa là giới của đất v.v... như thứ lớp, có công năng trở thành gìn giữ, thấu nhiếp, thành thực, nuôi lớn bốn thứ v.v... Do nhân duyên này, đối với các nhóm sắc, nếu có bốn nghiệp như gìn giữ v.v... có thể được, thì biết trong đây có giới đất v.v... không rời nhau, thường theo đuổi nhau. Vì công năng bốn nghiệp gìn giữ v.v..., tức là tự tướng của giới.

Hỏi: Không như vậy thì thế nào?

Đáp: Bốn giới như thế, tùy theo thứ lớp của chúng, cứng chắc, ẩm ướt, ấm áp, lưu động, dùng làm tự tướng. Nên biết trong đây nói tánh là nêu rõ thể, là nói tánh thể không lia nhau.

Hỏi: Làm sao biết được bốn thứ đất v.v... khác với tướng cứng v.v... có nghiệp gìn giữ v.v...? Lại, làm sao biết được nghiệp tướng của bốn thứ đất v.v... không có khác, tra xét khác?

Đáp: Không thấy nghiệp tướng, vì có khác nhau, vì chúng ta không thấy cứng v.v... Nghiệp tướng gìn giữ v.v... có khác, nên trái với sự gạn xét của ông, nghĩa là ta nói lìa điều tướng cứng v.v..., nhưng có riêng nghiệp gìn giữ v.v... chẳng? Nhưng nghiệp gìn giữ v.v... và tướng cứng v.v... chẳng phải lìa, chẳng phải tức vì cứng v.v... tức là tự tướng đất v.v..., vì không có đối tượng quán. Nghiệp dụng gìn giữ v.v... có riêng đối tượng quán mà vì nêu đặt, nên chẳng gìn giữ tự tướng, mà nói là nghiệp gìn giữ này, đừng để cho, tất cả pháp vì có nghiệp gìn giữ, nên đều gọi là đất, sẽ trở thành lỗi thái quá, thành thử nên biết, giới đất, tướng cứng, không có đối tượng quán riêng, quán riêng đối tượng gìn giữ, nói là nghiệp hay gìn giữ. Giới nước, tướng ẩm ướt không có đối tượng quán riêng, thuộc về quán riêng, nói là nghiệp hay thấm ướt. Giới lửa, tướng ấm áp không có đối tượng quán riêng. Quán riêng đối tượng được thành thực, gọi là nghiệp của chủ thể thành thực. Tướng lay động của giới gió không có đối tượng quán riêng, quán riêng sự tăng trưởng yết-la-lam v.v... hoặc lại nói mầm v.v... là nghiệp, chủ thể tăng trưởng. Trưởng, là tăng thịnh. Hoặc lại lưu dẫn, lay động, nghĩa là chủ thể dẫn phát sắc tạo đại chủng, sao cho chúng nối tiếp nhau sinh đến phương khác. Cho nên, nghiệp gìn giữ v.v... chẳng phải là tướng cứng v.v...

Có thuyết nói: Vì ba với một thời khác nhau, nên biết được tướng và nghiệp gìn giữ kia, nghĩa của chúng không đồng.

Có thuyết nói: Đất v.v... có nghiệp gìn giữ v.v... Nếu giới đồng có tướng cứng v.v..., thì thuyết này không đúng, vì gió và giới gió không có khác nhau, sự tăng trưởng, lay động lẽ ra là một.

Hỏi: Nếu giới gió lấy lay động làm tánh thì vì sao Khế kinh và Túc Luận phẩm Loại đều nói giới gió, nghĩa là tánh lay động nhẹ v.v... Lại, nói tánh nhẹ là sắc được tạo?

Đáp: Nói lay động là gió, nhẹ là sắc tạo, là biểu thị tự tướng (tướng riêng), nhẹ là gió: Nêu quả, bày nhân, vì là quả gió.

Hỏi: Há không là giới lửa cũng là nhân nhẹ?

Đáp: Nói lửa, gió tăng, vì sinh ra nhẹ. Mặc dù có thuyết này, nhưng lửa không nhất định, vì nếu có tánh nhẹ, thì lửa tăng làm nhân, chỗ này sẽ có tăng thịnh giới gió, hoặc có tánh nhẹ, gió tăng làm nhân, mà trong đó không có tăng thịnh giới lửa, như cỏ lau v.v..., hoa bay theo

làn gió thổi nhẹ, là nêu tánh nhẹ. Trong đây, nếu giới lửa tăng thịnh, ở đó lẽ ra phải có sự xúc chạm nóng có thể được, do giới gió này khắp làm nhân nhẹ, nên nêu riêng nhẹ, là biểu thị giới gió. Nhưng tướng đất v.v... vì có thể biết rõ dễ dàng, nên không cần nói quá nặng v.v..., chỉ rõ đối với ba tướng cứng v.v..., thì lay động, khó hiểu rõ.

Hỏi: Có phải giới đất v.v... tức đất v.v... chăng? Nếu không như vậy thì sao?

Tụng nói:

*Đất là sắc hiển hình
Theo tướng đời đặt tên
Nước, lửa cũng như thế
Giới gió lại cũng vậy.*

Luận nói: Nói đất, chỉ biểu thị xứ sắc hiển hình.

Hỏi: Há không là bốn chỗ đất chung hợp thành? Vì sao chỉ nơi hiển hình là đất?

Đáp: Trong đây dù chỉ có xứ xúc hương, vị, nhưng tùy theo tướng đời, nên nói lời này: Do các tướng thế gian biểu thị đất, nghĩa là dùng sắc hiển hình để biểu thị.

Nếu vậy, tướng thế gian, biểu thị áo v.v... cũng dùng hiển hình để biểu thị, như nói áo v.v... trắng v.v..., dài v.v..., mà tự cho bốn xứ là tánh của áo v.v..., đất cũng nên như vậy, vì sao chỉ sắc? Lại, các thế gian cũng đối với hương v.v..., đặt ra tên đất, nghĩa là nói lời này: Nay, tôi ngửi, nếm, xúc chạm đất. Dù có việc này, nhưng sắc hiển hình đối với đất, nước, lửa, có công năng đi suốt qua biểu thị. Vì sao? Vì đời không nói nhiều: “Tôi ngửi nước”, cũng không nói nhiều: “ngửi, nếm lửa. Mặc dù nói xúc chạm đất v.v..., cho nên, trong đất dù có hương v.v... mà vì sắc hiển hình vượt hơn nên nói riêng. Lại, sắc hiển, hình biểu thị hai giới, đất v.v... không có khác, cho nên, nói nghiêng một bên.

Nếu vậy, thì hiển, hình biểu thị áo v.v..., vì vượt hơn hương v.v..., lẽ ra cũng nói riêng? Đời khởi tướng, danh, vì không có quyết định, nên đối đãi pháp tùy theo danh, tướng thế gian, thị hiện đất v.v..., sự khác nhau của áo v.v... Lại, vật có thật, chẳng phải thế gian chung, thành vì cái được thế gian chung thành, đều là giả có, nên đối với pháp giả, nên thuận theo thế gian khởi sự khác nhau về tướng, danh, mà nói do hương v.v... này giả nói là đất, cũng không có lỗi. Vả lại, căn cứ hiển hình, nhằm biểu thị đất, tạo ra thuyết như thế này: Do tướng, danh của các thế gian không nhất định, nên không thể dùng một để so sánh các tướng danh khác đều đồng.

Đã nói bốn xứ như áo v.v... làm tánh, các pháp chung khác, như chỗ ứng hợp nên biết. Trong các vật như áo v.v... cũng có sinh v.v..., vật thể kia nên dùng năm xứ làm tánh, mặc dù chẳng phải phi hữu, nhưng các thế gian không ở xứ kia khởi danh, tưởng áo v.v...

Nếu vậy, xứ thanh, lẽ ra gọi áo v.v..., vì thế gian nói là nghe tiếng áo v.v...? Mặc dù cũng có tiếng nhưng chẳng nối tiếp nhau. Vì sắc v.v... thường có, nên chỉ nói bốn, như đất chỉ dùng hiển hình làm thể, nước, lửa cũng vậy. Vì tùy theo tưởng thế gian, nên thế gian hiện thấy nước xanh, dài v.v..., vì thế, nên nói hiển hình là tự tánh của nước. Thế gian thấy tiếp xúc tướng nước chảy, bèn tạo ra thuyết này: Trong đây nước chảy nhưng thể của sự chảy ấy, về mặt lý, chẳng phải nước thật, vì cảnh của năm căn như mắt v.v... đều khác, nên cũng chẳng phải hiển sắc, thân có thể xúc chạm. Lại, chẳng phải hình sắc, vì tám không thấu nhiếp, nên không lìa ngoài hiển hình, có xứ sắc khác.

Hỏi: Xúc thấy tướng nước chảy là sao?

Đáp: Các nước nhóm họp do sức đẩy của gió, sinh ra nước chảy kia, nước chảy kia mới lần lượt nối tiếp nhau. Thế gian đối với nước chảy này khởi sinh tưởng nước chảy. Cũng thế, khi các thứ nước khác vừa sinh, ở trong đó, hiển hình được mắt thấy, khoảng giữa đó, tánh ẩm ướt được thân tiếp xúc. Cho nên, hiển hình và tánh ẩm ướt, khi bị kích động do sức gió, lần lượt đẩy nhau khác mới sinh, nói là tánh chảy, không lìa tánh chảy này mà có thể của nước chảy riêng, nên nước chảy v.v... là giả, chẳng phải chân. Thế gian hiện thấy lửa đỏ, dài v.v..., nên nói hiển hình là tự tánh của lửa. Lại, khi tức sắc tiếp xúc chuyển biến sinh, gọi ngọn lửa, tro, là giả, chẳng phải thật, vì không có thân, mắt của một vật thật, có thể được.

Đã nói đất v.v... khác với giới, vì thế gian đối với sự lay động, đặt tên gió, mà gió và giới gió không có khác nhau. Do đạo lý này, nên nói gió tức giới.

Hỏi: Há không là thế gian đối với sắc hiển, hình, cũng sinh tưởng gió?

Đáp: Thế gian hiện dùng gió đen, gió xoáy, lại bảo cho nhau biết. Vì có đi suốt qua vấn nạn này, nên nói: Cũng là nghĩa riêng của đất v.v... và giới. Các sư xưa đều tạo ra thuyết này: Vì đất xen tạp ở chính giữa, nên thấy như thế. Vì chỉ rõ gió kia tức là giới gió, nên lại nói: Như thế, như thế là nghĩa khẳng định.

Trong hai thuyết này, thuyết trước là hơn. Bất tịnh của xứ khắp vì không có khác, nên bất tịnh chỉ duyên với cảnh của xứ sắc.

Tụng nói:

*Căn và cảnh trong ấy
Tức nói mười xứ, giới.*

Luận nói: Đã nói vật thật, căn, cảnh, vô biểu là tánh của sắc uẩn. Căn, cảnh trong đây, cũng là nói mười xứ, mười giới. Ở trong môn xứ, lập làm mười xứ, nghĩa là xứ nhãn v.v..., ở trong môn giới, lập thành mười giới, nghĩa là giới nhãn v.v...

Đã lập sắc uẩn và lập xứ giới.

Hỏi: Trong đây, sắc uẩn vì sao gọi là sắc?

Đáp: Thánh giáo của đấng Thiện Thệ lại nói thay đổi, hư hoại, nên gọi là sắc. Ý thuyết này nói: Vì là nhân của khổ thọ, vì có đối xúc, vì có thể chuyển dời, nên gọi là thay đổi, hủy hoại. Vì do đối thay, hủy hoại, nên nói là sắc. Nhân của khổ thọ, nghĩa là sắc có đối thay hủy hoại, sinh ra khổ thọ, như Phẩm Nghĩa nói:

*Người hướng cầu các dục
Thường khởi lên hy vọng
Các dục nếu không thỏa
Nào hại như trúng tên.*

Có đối xúc: Tay v.v... đã chạm sắc, ấy là biến đổi, hư hoại, là có nghĩa đối ngại, có thể thay đổi hư hoại. Có thể chuyển dời: như thân bò, dê v.v... có thể chuyển đổi, là nghĩa có thể chuyển biến và trao đổi. Vì có thể chuyển dời, nên gọi là biến hoại.

Hỏi: Thế nào là sắc pháp có thể chuyển dời?

Đáp: Nghĩa là tương khác sinh, nên gọi chuyển dời. Hoặc vì có thể biểu thị nghiệp đã tập đời trước, nên gọi là sắc, như Khế kinh nói: “Tập đời trước của Ma- nạp-bà này, có thể chiêu cảm nghiệp hình sắc ác, nghĩa là nhiều giận hờn, hoặc hay biểu thị nội tâm hiện có nên gọi là sắc”. Như Khế kinh nói: “Tỳ-kheo! Nay các thầy các, căn động lại vui nơi định, chứng cam lộ”, Há không là thuyết này chỉ căn cứ có thấy sắc của số hữu tình, lời huấn thị, giải thích về sắc, chỉ lời này có khả năng biểu thị nghiệp đã tập đời trước và vì nội tâm.

Hỏi: Nếu vậy thì không thấy sắc của số phi tình, lẽ ra đều chẳng phải sắc, không có lỗi này?

Đáp: Vì chỉ trong nhóm sắc mới có nghĩa ấy, nên không nói các sắc đều có thể biểu thị. Vả lại, ở trong tất cả nhóm phi sắc, vì đều không có khả năng biểu thị, nên lời giải thích này, về lý được thành lập. Như Khế kinh nói: Nghiệp là nhân của sự sinh, các sinh của thuyết này, đều do nghiệp, không nói các nghiệp đều là nhân của sinh. Nay, không nên

vấn nạn. Nghiệp chẳng phải nhân của sự sinh, ấy là phi nghiệp.

Nếu không như vậy, huấn từ của đấng Thiện Thệ cũng có thể là vấn nạn. Vì chẳng phải tất cả sắc đều biến hoại. Vả lại, Đức Thế Tôn căn cứ ở sắc ngại có đối, nói như thế này: Vì có biến hoại, nên gọi là sắc. Lại, nói thế này: Cái gì là biến hoại? Nghĩa là tay xúc chạm, nên tức là biến hoại, cho đến nói rộng.

Lại, nói lời này: Các người tập dục, không có nghiệp ác, mà chẳng phải đã làm, chẳng phải các Bậc Thánh hoàn toàn không tập dục, mà rốt ráo, sẽ không bị vơi lấy nghiệp đường ác, nên biết thuyết kia chỉ căn cứ phạm phu. Thuyết này lẽ ra cũng thế, không thể làm vấn nạn. Hoặc tất cả sắc đều có thể biểu thị nghiệp đã tập đời trước, chẳng phải sắc hữu tình, cũng được thừa nhận chung là quả nghiệp đời trước.

Hỏi: Không thấy các sắc làm sao biểu thị?

Đáp: Vì với có thấy sắc không rời nhau, nên chẳng phải lia không có thấy mà có có thấy, vì một quả nghiệp có thấy, không có thấy, nên do đó không có thấy là nghĩa chủ thể biểu thành, mà không có thọ v.v... cũng thành lỗi của sắc. Mặc dù từ nghiệp sinh, nhưng chẳng phải thường có. Nếu thường có, nghĩa là vi tế khó biết, nên sắc của dị thực sinh chẳng phải do lo nghĩ sinh, tùy chuyển vô gián, nên chỉ các sắc có công năng biểu thị nghiệp đã tập đời trước.

Hỏi: Nếu vậy thì vì âm thanh chẳng phải do dị thực sinh, lẽ ra không thành sắc?

Đáp: Mặc dù chẳng phải do nghiệp sinh, nhưng có công năng biểu thị nghiệp đã tập đời trước, như Diêm Hiền v.v... là đã dẫn chứng. Lại, tiếng sinh nhân xứ, định vô tâm cũng thường hiện có, nên không có trái đối với nghĩa sắc đã giải thích.

Có thuyết nói: Vì biến đổi trở ngại, nên gọi là sắc.

Hỏi: Nếu vậy thì cực vi làm sao biến đổi, ngăn ngại?

Đáp: Không có một cực vi hiện tại nào đứng một mình, vì sự chứa nhóm dừng lại, nên nghĩa biến đổi, trở ngại được thành lập.

Có thuyết nói: Cũng có cực vi đứng riêng một mình, nhưng cũng có biến đổi, trở ngại, mà không phát thức. Vì nắm thức dựa vào duyên, chủ yếu là chứa nhóm. Như lập cực vi, dù không có cách và phân chia, cũng không có xúc đối, mà chấp nhận cực vi có trở ngại, vì có đối, tác dụng có chướng ngại, nên biết nghĩa biến đổi, trở ngại cũng như thế. Đã diệt chưa sinh là vì giống với cực vi kia, như củi đã đốt, đồng với phần cực vi kia. Lại, như thế gian nói: Vì ăn vôi vàng, đi vôi vàng, nên gọi là ngựa, nhưng chẳng phải tất cả. Dù không có đức kia, nhưng vì giống với

đức kia, nên nghĩa chủng loại được thành, chỉ tùy theo phần ít kiến đặt tên, tướng, cực vi này cũng như thế.

Do đó, tức giải thích: Pháp nhất định bất sinh, vì dừng lại ở tướng sắc, nên cũng được tên sắc. Lại như thế gian, khi chưa có công dụng, nói ngược là sẽ có, như nói lửa sẽ có, nay, nếu bỗng nhiên phát ra đốt cháy làng mạc chung quanh, không một ai được sống sót. Cũng như thế gian, đối với công dụng đã diệt. Nói lại là nói từng có, như nói: Lửa xưa, nay, nếu đột nhiên phát ra đốt cháy làng mạc chung quanh không có một người nào được tồn tại. Chẳng phải chưa có công dụng và tác dụng đã diệt, công năng thật là sự đốt, mà giống nhau đồng nói, cũng đúng lý. Pháp bất sinh nhất định, về lý, lẽ ra cũng thế. Pháp kia, nếu sẽ sinh, lẽ ra cũng biến đổi, ngăn ngại. Cho nên, dùng sự biến đổi, ngăn ngại để giải thích nghĩa sắc được thành.

Hỏi: Quá khứ, vị lai dù vậy. Nhưng vô biểu là thế nào?

Đáp: Có giải thích: Vì biểu sắc có biến ngại, nên vô biểu tùy theo biểu kia, cũng được tên sắc. Điều này không đúng lý, vì tùy tâm chuyển sắc, không từ biểu sinh, lẽ ra chẳng phải sắc. Kinh chủ ở đây lập lầm tông trước, nói: Như cây lay động, bóng cũng lay động theo, tức thuyết nói lỗi. Như khi cây diệt, tất nhiên bóng cây cũng diệt theo. Khi biểu sắc diệt, vô biểu lẽ ra diệt. Nhưng chẳng phải thí dụ đó, vì chỗ lập khác, nghĩa là lập đối tượng nương tựa có biến ngại, đây cũng gọi là sắc. Thuyết là nói dụ. Đối tượng nương tựa của vô biểu, tức bốn đại chủng, chẳng phải khi bốn đại chủng kia không thành tựu, là vô biểu chuyển biến theo, nên ở đây không có lỗi như thế.

Lại, nếu trái với đây thì có lỗi bất định, nghĩa là không quyết định: Vô biểu này từ vô biểu kia sinh. Nếu khi đại chủng kia diệt, thì vô biểu ở đây cũng diệt theo. Như giống v.v... của thợ mộc cha khi diệt, chẳng phải mầm v.v... đèn, nhà của con sẽ diệt theo. Lại, như Kim cương dụ định, đối tượng nương tựa diệt, không thành tựu, thì sinh tận ra trí, cùng cực uẩn nối tiếp nhau không diệt, chuyển biến theo. Lại, như đối tượng nương tựa câu sinh vô lậu, khi sinh lên cõi trên, đối tượng nương tựa dù diệt, nhưng vô biểu chuyển biến theo. Nếu lấy đại chủng biến ngại làm đối tượng nương tựa thì vô biểu, chủ thể nương tựa, cũng gọi là sắc, tức là năm thức: Như Nhãn thức v.v... nương tựa năm căn vì có biến ngại, nên cũng gọi Sắc.

Có giải thích: Lời này không có lỗi này: Vô biểu lúc nương tựa đại chủng chuyển, như bóng nương tựa cây, ánh sáng nương vào ngọc báu. Khi năm thức như nhãn thức v.v... dựa vào mắt v.v..., thì không

đúng mắt chỉ có công năng làm duyên giúp sinh, nên Kinh chủ nói là ở đây như bóng dựa vào cây, ánh sáng nương tựa châu báu, nói, chẳng phải vì phù hợp thuận theo nghĩa Tỳ-bà-sa, do chấp nhận các hiển sắc như bóng, v.v... cực vi đều tự nương tựa bốn đại chủng, đây chẳng phải luận Tỳ-bà-sa này nói cũng chẳng phải không thuận với nghĩa của Tỳ-bà-sa ý của lời này nói các đại chủng của bóng v.v..., đại chủng của cây v.v..., vì làm đối tượng nương tựa. Vì sao? Vì đại chủng của bóng v.v... khi sinh, trụ, biến đổi, đều tùy theo cây kia. Ý nói ánh sáng bóng cây này, là biểu thị nhóm chung chẳng phải chỉ hiển sắc, như nói cây, châu báu. Cho nên, cực vi hiển sắc của bóng v.v... nương dựa đại chủng bóng v.v... mà chuyển. Đại chủng bóng v.v... lại dựa vào đại chủng cây, v.v... mà sinh, nên ở đây đều thuận với lỗi. Kinh chủ lại nói: nếu chấp nhận bóng, ánh sáng nương dựa cây, châu báu, mà vô biểu sắc không đồng với nương tựa cây kia. Do chấp nhận đại chủng, đối tượng nương tựa dù diệt nhưng vô biểu sắc không diệt theo nên vấn nạn này không quan hệ nghĩa Tỳ-bà-sa. Vì chấp nhận cả hai: Chủ thể, đối tượng cùng diệt, đại chủng, đối tượng nương tựa của vô biểu, nếu diệt, vô biểu, chủ thể nương tựa chưa từng không diệt. Vô biểu niệm ban đầu, có thể cùng diệt với đại chủng, đối tượng nương tựa.

Hỏi: Vô biểu của niệm thứ hai v.v... thế nào?

Đáp: Đại chủng của niệm thứ hai v.v... nếu không có, vô biểu sắc kia Há được hiện hữu? Mặc dù trong phần vị này chẳng phải không có đại chủng, mà đại chủng của niệm kia, chẳng phải đối tượng nương tựa của phần vị này, vì chẳng phải nhân của sinh.

Lạ thay! Như thế, khéo hiểu Đối pháp! Há không là chẳng phải chỉ đại chủng nhân của sinh, đối với sắc được tạo, có công năng làm chỗ nương tựa. Nhưng lại là đại chủng của bốn nhân khác, đối với sắc được tạo, tự cho là chủ thể nương tựa. Nếu đại chủng, đối tượng nương tựa của sắc tạo kia diệt rồi, vô biểu, chủ thể nương tựa cũng không diệt, Thánh sinh vô biểu, vô lậu Vô sắc. Đã chấp nhận thành tựu, lẽ ra được hiện tiền. Sự sinh dựa vào hai nhân, đại chủng diệt rồi, vô biểu vô lậu dù thành, nhưng không hiện hành, nên biết hành vô biểu của cõi Dục, là nhất định, do đại chủng, đối tượng nương tựa, không diệt. Cõi Dục này nếu không thế, cõi Thánh kia làm sao như thế? Do đó các sư đều tạo ra thuyết này: Các sắc được tạo có hai thứ nương dựa.

1. Y sinh khởi.
2. Y lực chuyển.

Bậc Thánh sinh lên cõi Vô sắc, do nương dựa vào lực chuyển y,

vì đại chủng không có. Vô biểu vô lậu, mặc dù thành tựu, nhưng không hiện hành. Do các sư chưa thừa phụng giải thích Đối pháp không có đảo, nên gây ra sự mê loạn này. Nhưng năm thức như nhãn thức v.v... năm căn nương tựa dù có biến đổi, ngăn ngại, nhưng không thành sắc, dù do chủng loại của sắc kia có dị biệt có chủng loại của thức không dựa vào sắc, chỉ thân năm thức dựa vào sắc mà khởi, sáu thức đều dùng ý làm chỗ nương tựa, ý trong cõi Vô sắc cũng có thể được. Lại, đối với định giấc ngủ, mộng v.v... của địa dưới, tác dụng của ý có thể được, không có tác dụng của năm căn. Lại, về mặt lý, không hợp với tự tánh của sáu thức, chủng loại của một pháp cũng một sắc, phi sắc, không có vô biểu nào không nương tựa sắc sinh, nên thích hợp với đối tượng nương tựa, có biến đổi trở ngại, chủ thể nương tựa vô biểu cũng được gọi là sắc. Lại, nói sắc: Như bò, chim công, dựa vào loại phần ít, để đặt tên, tưởng, chẳng phải không có khác nhau, không nên làm vấn nạn.

Đã nói sắc uẩn, sẽ nói thọ v.v...

Tụng nói:

*Thọ lãnh nạp theo xúc
Tưởng lấy tượng làm thể
Còn bốn, gọi hành uẩn
Thọ như thể là ba
Và vô biểu, vô vi
Gọi pháp xứ, pháp giới.*

Luận nói: Tùy theo xúc mà sinh lãnh nạp đáng yêu và không đáng yêu, đều trái với xúc, gọi là thọ uẩn. Lãnh nạp, tức là nghĩa có thể thọ dụng. Sự thọ dụng này lại có ba thứ, nghĩa là vui và khổ, không khổ, không vui, vì lợi ích thân, tâm, nên gọi là vui, làm tổn hại thân, tâm, nên gọi là khổ. Có nhận lãnh mà chẳng phải khổ, vui, gọi một không khổ, không vui, như chẳng phải đen, chẳng phải trắng.

Hỏi: Lại, làm sao biết được ba thứ này có tự thể riêng?

Đáp: Có thuyết nói: Vì làm tăng ích, tổn diệt đại chủng các căn và đều trái nhau, vì ba công dụng riêng, nên biết có ba thể.

Hoặc có thuyết nói: Vì tăng tùy miên tham, sân, si khác nhau, nên biết có ba thể. Mặc dù tất cả tùy tăng đối với tất cả các thọ, nhưng vì do sở duyên (sở duyên) và tương ứng, nên căn cứ tương riêng mà nói. Lại, dù si tương ứng với ba thọ, nhưng tham, giận đều có hai mà vì phần nhiều tương ứng với hiện hành, nên tạo ra thuyết này.

Lại có thuyết nói: Vì tương tự với hành tương tham, giận, si, nên tạo ra thuyết này.

Có sư khác nói: Trong Đối pháp nói: Tùy tăng tham trong lạc thọ: Không nói lạc thọ, chỉ chủ thể khởi tham, chỉ nói tham của người kia tùy theo lạc thọ khởi, hai thọ: Giận, si, nên biết cũng vậy.

Nay, chánh thuyết, nghĩa là do giáo và lý, nên biết thọ thứ ba quyết định chẳng phải không có. Giáo: như nói. Vì vui dứt. Và vì khổ dứt, nên trong đây, chỉ có không khổ, không vui. Lý: rời thọ, thì tâm không sinh, vì lìa khổ, vui, tâm hiện tại có thể được, nên đâu biết lìa thọ thì tâm bất sinh. Vì các Khế kinh đồng nói, như Khế kinh nói: Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, xúc ba hòa hợp cùng khởi thọ, tưởng, tư. Như thế, cho đến ý và pháp làm duyên, sinh ra ý thức, xúc ba hòa hợp cùng khởi thọ, tưởng, tư, vì không có tâm thứ bảy lìa thọ mà khởi, nên biết quyết định có thọ thứ ba.

Lại, nói các thọ lược có hai thứ:

1. Thọ chấp thủ.
2. Thọ tự tánh

Thọ chấp thủ: Nghĩa là chủ thể lãnh nạp cảnh nơi sở duyên của chính nó. Thọ tự tánh. Nghĩa là chủ thể lãnh nạp, mà chính nó theo xúc, nên Đức Thế Tôn nói: Xúc thuận với lạc thọ, xúc thuận với khổ thọ, và xúc thuận với bất khổ, bất lạc thọ, là nghĩa xúc đã nhận lãnh lạc thọ v.v... nhận lãnh thọ làm sở duyên với tướng khác nhau của pháp một cảnh, khó có thể biết rõ. Như khế kinh nói: Thọ lãnh đầy đủ, nói thọ lãnh này. Giống như căn cứ ở tuệ để nói, nên Khế kinh kia kể sau, lại nói: Không thọ thân sau, như thật biết rõ. Mặc dù thọ cũng nhận lãnh cảnh giới, nhưng tự tánh của thọ lãnh này khó biết, nên nhận lãnh xúc là tự tánh thọ, tự tánh thọ này không chung các pháp khác, dễ hiểu rõ sự khác nhau.

Các thọ như thế, vì pháp với tâm v.v... đồng sở duyên, vì nhận lãnh khác, nên sự sở duyên khác, sự của đối tượng nhận lãnh riêng, do xúc này tiếp xúc thọ. Nếu lúc vì đối tượng nhận lãnh là thời gian chẳng phải sở duyên, nếu thời gian vì sở duyên là thời gian chẳng phải sở duyên nhận lãnh nên duyên, sự nhận lãnh khác. Do thọ này khéo đi suốt qua câu văn như thế: Khi thọ nhận lạc thọ, như thật biết rõ thọ đối với lạc thọ, cho đến nói rộng. Ý trong đây nói: Năng dùng tuệ giác không có điên đảo, xét biết sự khác nhau giữa ba thọ: chẳng vui, là khổ, chẳng khổ là vui. Chẳng phải khổ, vui, là cùng trái nhau. Còn lại cũng như thế. Trong đây, Khác phải lãnh thọ, tự tánh thọ, tức là tánh thọ, chỉ lãnh thọ sở duyên và pháp khác, tất cả đều là đối tượng thọ lãnh của tâm và tâm sở.

Có A-cấp-ma có khả năng chỉ rõ lý ấy, như Khế kinh nói: Duyên các thứ giới, có các thứ xúc, duyên các thứ xúc có các thứ thọ, duyên các thứ thọ có các thứ ái, các thứ giới. Nghĩa là căn, cảnh, thức các thứ tánh, tướng có sự khác nhau.

Hỏi: Vì sao không nói duyên các thứ giới, có các thứ thọ? Lại, sao không nói duyên các thứ giới có các thứ ái?

Đáp: Vì đây cũng đồng nghi, cho nên cùng giải thích. Thứ lớp pháp như thế, an lập không có lỗi, hiện thấy thế gian từ chủng tử trước, sinh quả sau, vì giữa hoa, sữa v.v... có khác nhau nên quả có khác nhau, như theo thứ lớp sinh, lập nhân quả nhất định. Nhân, quả cùng sinh (câu sinh) lẽ ra cũng lập nhất định. Cho nên, các thọ dù cũng nhân giới, nhưng chủ yếu là dùng xúc để làm nhân gần. Lại, như hai thanh gỗ ma sát vào nhau sinh ra lửa, gió là duyên gần. Ba pháp như thế, hòa hợp sinh thọ, vì xúc làm duyên gần, nên căn cứ ở xúc lãnh thọ, làm tự tánh của thọ, chẳng phải nhận lãnh sở duyên, về lý, nhất định được thành lập. Thọ này căn cứ thế gian nói là ba căn cứ ở đối tượng nương tựa của xúc, chia làm sáu.

Đã nói thọ uẩn, tướng uẩn thứ ba, chấp lấy hình tượng làm thể, nghĩa là đối với tất cả đều tùy theo gốc, mà an lập. Sắc xanh, dài v.v..., tiếng đàn cầm, vỏ ốc v.v..., sinh hương sen v.v..., vị đắng, cay, xúc trơn, nhám v.v..., pháp sinh diệt v.v... trong các cảnh sở duyên như tướng mà chấp lấy, nên gọi là Tướng. Cho nên, tướng này theo đức đặt tên, vì do hay nhận lấy tượng, nên gọi là tướng. Ba chung, riêng thành sáu, như thọ, nên biết.

Đã nói tướng uẩn, hành uẩn thứ tư, bốn hành, còn lại nghĩa là trừ ba: sắc, thọ, tướng đã nói ở trước. Và trừ thức sẽ nói, là bốn. Pháp hữu vi còn lại, gọi là Hành uẩn. Hành uẩn này có tương ứng và bất tương ứng. Tư v.v..., đắc v.v..., như thứ lớp của chúng. Khế kinh chỉ nói thân sáu tư: Vì rất vượt hơn. Vì sao? Vì tư là tánh nghiệp làm nhân chiêu cảm quả. Vì sức của nhân ấy rất mạnh, nên Đức Thế Tôn nói: Nếu tạo tác hữu vi hữu lậu, gọi là hành thủ uẩn. Nếu cho rằng, chỉ hành thủ uẩn này gọi hành uẩn thì về mặt lý, không đúng, vì đã không thấu nhiếp sắc v.v... của hành khác, nên không thuộc về uẩn.

Hỏi: Nếu nói như thế thì có lỗi gì?

Đáp: Thì có lỗi chẳng phải khổ, tập, biết, đoạn lẽ ra không có.

Hỏi: Nếu thế thì có lỗi gì?

Đáp: Sẽ có lỗi trái với Thánh giáo, như Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với một pháp chưa đạt, chưa biết, ta sẽ nói không thể tạo ra bờ mé khổ,

chưa dứt, chưa diệt, cũng nói như thế.

Nếu cho hành khác cũng như hư không và phi trạch diệt, thì không có lỗi này, về lý cũng không đúng, vì hành đó là việc tăng trưởng ngã chấp, vì ngã chấp làm chướng ngại pháp khổ tận.

Thượng tọa bộ kia nói: Hành uẩn chỉ có tứ, ngoài ra tác ý, v.v... khác là sự khác nhau của tứ. Lại nói lời này: Hành tác ý v.v... không thể lìa tứ mà biết có tự thể riêng, hoặc lìa hành khác, có riêng phần ít thể của tứ có thể được. Do hành uẩn này, dù chẳng phải một vật, mà là thuộc về một tứ. Cho nên, Khế kinh dù nêu một tứ, nhưng vẫn không trái với lý.

Hỏi: Lại, làm sao biết được hành tác ý v.v..., tất cả đều dùng tứ làm tự thể?

Đáp: Do Đức Bạc-già-phạm, trong Khế kinh nói thân sáu tứ là hành uẩn, vì nói tham, giận v.v... gọi là ý nghiệp, nên chẳng phải đen, chẳng phải trắng, không có dị thực của nghiệp, công năng cùng tận các nghiệp. Hành uẩn này do tứ gọi nói Thánh đạo, nên nói các Tĩnh lực vô lượng, Vô sắc cho là trắng, vì nghiệp dị thực trắng, nên không thích ứng với tên khác vì nói là pháp khác, nên chẳng phải một, nói một, vì là lời nói sai lầm, nên các Bạc-già-phạm, không bao giờ có lời nói sai lầm.

Tôn chỉ của Thượng tọa bộ kia đã nói như thế, về lý, cho là không đúng, vì lập luận trước sau trái nhau, nghĩa là thuyết trước kia nói hành uẩn chỉ có tứ, thuyết sau nói hành uẩn chẳng phải chỉ có một vật.

Sao chấp nhận một tứ tức chẳng phải một vật, vì chỉ nói sáu tứ làm hành uẩn, nên biết tứ tác ý v.v... làm thể, lý ấy không đúng, vì nói pháp khác.

Hiện thấy trong kinh, Đức Thế Tôn nói pháp, có các thứ khác nhau. Hoặc nêu đầu thâm nhiếp sau, hoặc nêu sau để thâm nhiếp ban đầu, hoặc nêu đầu, sau để thâm nhiếp khoảng giữa, hoặc nêu trung gian để thâm nhiếp trước, sau?

Hỏi: Thế nào là trong kinh nêu đầu để thâm nhiếp sau?

Đáp: Nghĩa là thức ăn tĩnh lực là pháp không thoái đọa của Cù-ba-lạc-ca. Kinh Tập Đế v.v... nói tĩnh lực tức là bốn tu đẳng trì. Trong Khế kinh nói: Nếu tu sơ tĩnh lực thì được hiện pháp lạc trụ, chẳng phải tu khác không được hiện pháp lạc trụ. Vì nêu đầu để gồm nhiếp sau, nên tạo ra thuyết này. Do đó mà lời Như lai đã nói, không có giảm. Thức ăn, là bốn cách ăn, nói trong Khế kinh:

Đoạn thực: Có thô, có tế, chẳng phải ba cách ăn còn lại, không có thô tế, vì nêu đầu tiên gồm nhiếp sau, nên tạo ra thuyết này: Cù-ba-

lạc-ca, nghĩa là kinh ấy nói: Không biết rõ sắc, chẳng phải bốn uẩn còn lại. Đã được biết rõ, vì nêu đầu gồm nhiếp sau, nên tạo ra thuyết này: Pháp không thoái đọa, nghĩa là kinh kia nói: Người chứng quả Dự lưu không đọa đường ác, chẳng phải Bạc Thánh khác đọa các đường ác. Vì nêu đầu tiên gồm nhiếp sau nên tạo ra thuyết này: Tập đế nghĩa là trong Khế kinh kia nói ái là Tập đế, chẳng phải pháp nhiệm khác, Tập đế không thu nhận, vì nêu đầu tiên gồm nhiếp sau, nên tạo ra thuyết này: Trong đế tư duy, lựa chọn sẽ phân biệt, biểu thị: Vô lượng các Khế kinh như thế v.v..., đều nêu đầu tiên để gồm nhiếp sau, do lời Như lai nói không có giảm.

Hỏi: Trong kinh nào nêu sau để gồm nhiếp đầu tiên?

Đáp: Nghĩa là được tự thể của thức trụ, là các kinh ca tụng ruộng phước v.v... được tự thể, nghĩa là tự thể của bốn đắc. Trong Khế kinh nói: Sinh lên cõi trời Phi tưởng, Phi phi tưởng, chẳng thể tự hại, chẳng thể bị người khác hại, chẳng phải không là tất cả trời sắc, Vô sắc, chẳng thể tự hại, không thể người khác hại. Nêu sau gồm nhiếp đầu tiên, nên tạo ra thuyết này: Thức trụ, nghĩa là kinh bảy thức trụ kia nói như thế. Một tướng khác của thân hữu tình có sắc, như trời Cực Quang Tịnh là thức trụ thứ ba, chẳng phải không là Thiểu quang, Vô lượng quang thiên, cũng gọi một tướng khác của thân có sắc. Nêu sau, gồm nhiếp đầu tiên, nên tạo ra thuyết này. Khen ngợi bài tụng, rộng phước là kinh ấy nói:

*Nếu đối với A-la-hán
Thường tu phước thí diệp
Thường vì các thiên thần
Khuyên, khen bày điềm lành.*

Chẳng phải ở ba địa vị trước, tu phước thí tịnh đẹp, không nhờ trời v.v... khuyên khen, tỏ bày tốt lành, vì nêu sau để gồm nhiếp đầu tiên, nên tạo ra thuyết này. Nếu cho rằng ba địa vị trước, vì xứng đáng thọ cúng dường, nên cũng được gọi A-la-hán, ấy là trở thành thuyết phi liễu nghĩa của kinh này, vì A-la-hán gọi chủ Vô học.

Trong kinh nào chỉ nêu đầu và sau để gồm nhiếp khoảng giữa, nghĩa là kinh khen xuất gia chứng tịnh v.v...

Khen người xuất gia, nghĩa là kinh ấy nói:

*Có những người xuất gia
Chứng được quả dự lưu
Và quả A-la-hán
Gọi là làm nhiều việc.*

Chẳng phải người xuất gia chứng quả Nhất lai và quả Bất hoàn. Chẳng phải làm nhiều việc, chỉ nêu đầu tiên, và sau để gồm nhiếp trung gian, nên tạo ra thuyết này: Khen người chứng tịnh, nghĩa là kinh ấy nói:

*Các hữu nơi Như lai
Trụ tín diệu, không động
Và Thi-la tịnh thiện
Thường được gặp tốt đẹp.*

Chẳng phải đối với pháp, tăng, trụ tín không có lay động, thì không hội ngộ tốt lành, chỉ nêu đầu tiên và sau, vì để gồm nhiếp trung gian, nên tạo ra thuyết này.

Hỏi: Trong kinh nào chỉ nêu trung gian để gồm nhiếp trước, sau?

Đáp: Nghĩa là Khế kinh nói: Nếu có tu tập Tĩnh lự thứ tư thì gọi là được lậu tận, chẳng phải không là bảy y đều có thể dứt hết lậu, chỉ nêu trung gian để thâm nhiếp đầu tiên và sau, nên tạo ra thuyết này: Vô lượng các Khế kinh như thế v.v..., đều nêu trung gian để thâm nhiếp đầu tiên và sau. Do đó, lời Như lai đã nói không có giảm. Các kinh đã thế, thuyết này của Như lai cũng nên như thế. Mặc dù là hành uẩn do nhiều pháp tập hợp thành, nhưng chỉ nêu đầu tiên, nói tư không có lỗi.

Hỏi: Sao không đầu tiên là nêu tác ý v.v...?

Đáp: Vì tư tạo tác hữu vi vượt hơn. Như tâm có khả năng dẫn dắt ba xứ hiện tiền, tu hai pháp v.v..., Tâm năng dẫn dắt, như Khế kinh nói: Tâm dẫn dắt thế gian. Trong đây, chẳng phải không có pháp thọ, tưởng v.v... Vì tâm vượt hơn, nên tạo ra thuyết như thế này: Ba xứ hiện tiền, nghĩa là Khế kinh nói: Vì tin ba xứ hiện ở trước, nên sinh ra nhiều phước. Trong đây, chẳng phải không có vô tham, vô sân, chánh kiến v.v... Vì pháp có tín vượt hơn, nên tạo ra thuyết như thế này: Do tu hai pháp, nghĩa là như Khế kinh nói: Nên tu hai pháp, là Xa-ma-tha, và Tỳ-bát-xá-na, pháp hữu vi thiện, tất cả nên tu, vì chỉ quán vượt hơn, nên tạo ra thuyết như thế: Các kinh như thế v.v... đều nêu pháp vượt hơn, dùng làm hàng đầu, thuyết này cũng ra thế.

Lại nữa, Phật, Đức Thế Tôn lời nói chưa trọn vẹn, mỗi xứ có thể được, như tháp, các cõi thiện sĩ và tâm giải thoát, trải qua đoạn kết v.v... Tháp, như Khế kinh nói: Ba người nên vì xây dựng tháp. Lý này không thích hợp, vì người phạm phu xây pháp, chẳng phải là người kiến đế. Phải biết, kinh này là thuyết chưa trọn vẹn.

Cõi Thiện sĩ: Như Khế kinh nói: Cõi bảy thiện sĩ, nghĩa là cõi Niết-bàn, quả A-la-hán, chẳng phải Thánh khác sinh, chẳng phải cõi

Thiện sĩ, phải biết kinh này nói chưa trọn vẹn. Tâm giải thoát: Như Khế kinh nói: Được A-la-hán, tâm họ giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Nhưng thật sự giải thoát tất cả phiền não và tùy phiền não. Phải biết kinh này là thuyết chưa trọn vẹn. Dứt kết: Nghĩa là trong Khế kinh nói: Dứt hẳn ba kết, chứng quả Dự lưu, chẳng phải không dứt hẳn, tất cả phiền não, do kiến để dứt trừ. Phải biết kinh này là thuyết chưa trọn vẹn.

Các kinh như thế v.v... đều căn cứ ở thuyết vượt hơn ở đây cũng như thế, tạo tác hữu vi, vì công năng vượt hơn.

Hỏi: Nói công năng này tạo ra hữu vi là sao?

Đáp: Nghĩa là có công năng vượt hơn, vì dẫn sinh quả, nên quả dù vốn có, nhưng phần ít sinh, công năng này, vì dẫn theo, nên lập làm tạo.

Thượng tọa bộ kia nói: Người tạo ra hữu vi, nghĩa là tư duy chủ thể tạo vốn không có hữu vi, như người thợ dệt nói: Tôi cầm sợi tơ này để dệt thành y phục. Người tạo hữu vi này cũng nên như thế. Lý đã nói như thế, tất nhiên không đúng, vì pháp hữu y, vô y không đồng. Ý kia, nghĩa là tư, như người hay dệt, vốn không có hữu vi, nghĩa là như y phục. Sợi tơ, đối tượng nương tựa của y phục không có thí dụ. Nếu chấp nhận thể hữu vi vị lai là có, và không có dụng của phần ít, nghĩa tạo sẽ được thành. Thí dụ sợi tơ của Thượng tọa bộ, chứng tỏ có vị lai. Hoặc dụ chỗ được lập có lời nói, không có nghĩa.

Các sư Đối pháp nói: Pháp giả có, xưa không, nay có, có thể làm thí dụ này. Nếu chấp thật thể, cũng là vốn không. Thượng tọa bộ kia nhất định không nên lập dụ như thế. Lại, bộ kia nên nói tướng khác của giả, thật. Nếu có khác, thì không có thí dụ. Nếu không có khác, thì giống hoa đốm trong hư không. Vì nói tham, giận v.v... là ý nghiệp, biết các như tư tác ý v.v... làm thể: Về lý, cũng không đúng. Thể của tham, giận, tà kiến mặc dù chẳng phải nghiệp nhưng vì giúp cho nghiệp, nên cũng gọi là nghiệp, như tư lương khác, cũng gọi tư lương của nghiệp kia. Như giới kinh nói: Thấy sông vui của chúng Thánh, vui thêm bậc, vì tư lương của đường kia vui, nên cũng gọi là vui.

Lại, như kinh nói: Nếu có nhãn căn không điều phục, không giữ gìn, thì pháp này có thể chiêu cảm dị thực phi ái. Nhãn căn dù là không có pháp dị thực, nhưng vì là tư lương của pháp dị thực phi ái, nên cũng nói là năng chiêu cảm dị thực phi ái. Lại, như kinh nói: Công cụ lùi lại của năm thứ ưa bàn luận v.v... Công cụ lùi lại thật. là các phiền não dẫn quả lùi lại, nên ưa bàn luận v.v... là tư lương của pháp dị thực kia, cũng

gọi là công cụ lùi lại.

Lại, như kinh nói:

*Người ngu vướng dục, khởi tranh cãi
Chư Tiên không tranh do lìa dục
Cho nên, phải dứt tất cả dục
Giống như Lân giác dạo một mình.*

Mê đắm cảnh giới, xảy ra các tranh chấp. Cảnh thật sự chẳng phải dục, vì là tư lương của dục, nên cũng gọi dục, cho nên kinh nói:

*Cảnh đẹp thế gian, chẳng dục thật
Dục thật là tham phân biệt của người.*

Lại, như kinh nói: Tùy miên sắc tăng, sắc chẳng phải tùy miên, vì là tư lương của tùy miên sắc kia, nên đồng với thuyết kia. Lại, như kinh nói:

*Nữ là phạm hạnh uế
Nữ nào hại chúng sinh.*

Người nữ thật ra chẳng phải nhơ, nhơ là tham v.v... vì tư lương của vết nhơ này, cũng gọi nhơ. Lại trong khế kinh, Phật có nói bảy lậu, thật ra lậu chỉ có hai, số còn lại chẳng phải lậu, vì tư lương của lậu này cũng gọi lậu. Vì các kinh v.v... này đã chứng minh tư lương của ý nghiệp tham, giận v.v... nên gọi ý nghiệp, mà chẳng phải thể của nghiệp. Đạo lý này thành tựu, chẳng phải đen, chẳng phải trắng, không có dị thực của nghiệp, có thể tận cùng các nghiệp, vì nghiệp này do tên tư nói: Thánh đạo, biết các như tư tác ý v.v... làm thể, lý này cũng không thích hợp, vì như tên tướng v.v..., tướng này không có lỗi. Như Khế kinh nói: Tu tướng vô thường, có thể dứt trừ dục ái, sắc, Vô sắc ái. Kinh ấy dùng tên tướng để nói các Thánh đạo, đã thừa nhận Thánh đạo chẳng phải sự khác nhau của tướng, tướng này cũng nên như thế, nên không có lỗi.

Lại, vì nói ý thọ có thể dứt trừ phiền não, nên Khế kinh nói: Tu chi hỷ giác, dựa vào lìa ý tham, có thể phá tan hang ổ phiền não. Thánh đạo đã chẳng phải sự khác nhau của ý thọ, thọ này lẽ ra cũng thế, nên không có lỗi.

Có người nghe kinh nói: Nghiệp trói buộc chúng sinh, rồi cho rằng: Tất cả nghiệp đều có thể trói buộc. Vì chấp hẹp hòi bất chánh như thế, nên nói nghiệp tư này có thể dứt hết các nghiệp. Lại, vì chứng tỏ sự vượt hơn của nghiệp, nên tạo ra thuyết này: Nói các tĩnh lự vô lượng Vô sắc, cho là trắng, vì dị thực của nghiệp trắng, nên biết các tư như tư tác ý v.v... làm thể, tư này chẳng phải xem xét, vì dùng năm uẩn, bốn uẩn của các tĩnh lự v.v... làm tự tánh, như thế kinh nói: Trong đây, tất

cả hoặc sắc, hoặc thọ, nói rộng cho đến gọi là Tĩnh lực v.v... Chẳng phải nghiệp của sư thí dụ với tánh có sắc. Vì chứng tỏ các nghiệp rất mạnh so với sức chiêu cảm dị thực, trong đây tất cả pháp năm uẩn thiện, đều gọi là nghiệp. Lại, như thọ, tưởng và thức trong đây, mặc dù nói là nghiệp, nhưng thể chẳng phải tư. Như thế, các pháp như tác ý v.v... trong đây, lẽ ra cũng nên nói là nghiệp mà thể chẳng phải tư. Nếu nói thọ v.v... vì thuộc về uẩn khác, nên không có lỗi này, thì đây là thành lập đặc, dùng tên khác để nói về pháp khác. Nghiệp tư này đã thành lập, như trên đã nói. Vì nói tham v.v... gọi ý nghiệp, tức là lý tư không thành lập. Hiện thấy thọ v.v... tánh khác cực thành, gọi là nghiệp, pháp khác lẽ ra cũng như thế. Do đó, tức sẽ phá tan nhân của thuyết nói ở sau, không nên dùng danh khác để nói pháp khác. Lại, nhận thấy danh khác cũng nói pháp khác, như nói: Khả năng thực hiện thí cho hương v.v... đầy đủ, mà thể của thí là tư, chẳng phải tức hương v.v... Nhưng do biết rõ hương v.v... phát ra Tứ, nên có tên khác, nói ở pháp khác, vì chẳng phải một, nói một, là lời nói sai lầm. Các Đức Bạc-già-phạm không bao giờ có lời nói sai lầm.

Biết tư tác ý v.v... là thể ấy, về lý cũng không đúng. Vì căn cứ vượt hơn để nói, nên danh nghĩa lệ thuộc nhau không quyết định. Vì hữu tình là đối tượng hóa độ với ý lạc khác nhau, nên kinh không liễu nghĩa hiện có thể được. Chẳng phải đáng Bạc-già-phạm ngộ nhận lời nói này: Nếu lập thể của hành uẩn, thì chỉ là tư. Thuyết kia nêu rõ lời nói của Đức Thế Tôn có sai lầm, do đã thừa nhận thể của một pháp mà Đức Thế Tôn đã nói tức chẳng phải một. Lại, vì thuyết chẳng phải một, thể tức một, nên nếu nói hành uẩn chẳng phải một vật thành, điều này chứng tỏ lời Đức Thế Tôn nói không có sai lầm. Cho nên, thuyết kia nhân có lời nói, không có lý. Lại, lập trường của thuyết kia với tị lượng, nghĩa là thể của hành uẩn chẳng phải chỉ có tư, vì lập tưởng chung, như xứ, giới pháp. Nếu khác với đây, lẽ ra chỉ gọi tư, vì một pháp thành, như uẩn, thọ, tưởng. Ý trong đây nói rõ, như thanh, giới, xứ pháp thứ sáu ngoài, vì lập tưởng chung, nên gồm nhiếp chung mười một, mười bảy xứ, giới, không gồm nhiếp nhiều pháp. Như thế, hành thanh vì lập tưởng chung, nên tổng thu bốn nhiếp chung bốn uẩn, vì không gồm nhiếp nhiều hành, nên biết thể của hành uẩn không chỉ tư.

Nếu vậy, như tưởng kia lẽ ra phải nói sau cùng? Trong thứ lớp của tư, tự sẽ biểu thị, vì đây chẳng phải là việc tiện lợi của văn, nên lại thôi đi. Lại, vì dùng cây chuối để thí dụ cho hành uẩn, nên biết được thể của hành uẩn chẳng phải chỉ là tư, như nói Hành uẩn dụ như cây

chuối. Thí dụ này chứng tỏ nhiều vật hình thành thể của hành uẩn. Lại, vì kinh thuyết lời nói tương ứng, nên biết được thể của hành uẩn chẳng phải chỉ là tư. Như Khế kinh nói: Kiến vì tương ứng với trí chứng của tín căn. Nếu tín và trí đều có tư này thì đây là thể của tư cùng tương ứng với tư, tương ứng với tự thể, về lý, không nên thừa nhận. Lại, tác ý v.v... không nên tức là sự khác nhau của tư, vì trong Khế kinh, là tác ý v.v... nói riêng tư, như Khế kinh nói: Kiến như thế kia tức tư như thế. Nếu tà kiến kia tức là tư, thì nghĩa này nên nói: Tư như thế kia, tức tư như thế, hoặc kiến như thế, tức kiến như thế. Nếu tạo ra lời nói này thì nghĩa kia đâu có khác. Lại, như kinh nói: Người kia có tín, dục, cần, an, niệm, trí, tư, xả gọi là thắng hạnh. Nếu các hạnh như tín v.v.... tức là tư, thì nói tín v.v... rồi đâu cần lại nói tư? Lại, các pháp này giống với dụng đồng thời, làm sao một tư, nhiều thể cùng khởi? Trong đây, Thượng tọa bộ tạo ra sự giải thích như thế này: Vì thâm nhiếp thời gian này, đã khởi hạnh khác, nên lại nêu tư. Trước nói Tín v.v..., vì biểu thị thời gian này, đã khởi hạnh vượt hơn, như pháp năm trước và bốn tu hành, nghĩa là kiến trong năm trước dù phiền não, nhưng vì do vượt hơn, nên lại nói riêng. Bốn tu hành: như Khế kinh nói: Tu chánh kiến, hạnh diệu của thân, ngữ, ý” đoạn tà kiến hạnh ác của thân ngữ ý. Chẳng phải chánh, tà kiến, diệu ý, hành vi ác, các điều không gồm nhiếp, vượt hơn nên nói riêng, tu chánh này lẽ ra cũng như thế. Về lý không đúng. Tín v.v... lẽ ra cũng nên thuộc về tư, thành ra không nên nói riêng, Há không phải đã nói? Vì biểu thị vào thời gian này đã khởi hạnh vượt hơn, nên nói tín v.v... Mặc dù biết đã nói, nhưng không đúng, vì một pháp, một thời gian, nhiều thể cùng khởi, như thọ, tưởng v.v... vì không đúng, nên chẳng phải thể của một pháp như thọ, tưởng v.v... niềm vui chút ít của có riêng đều cùng lúc khởi. Cho nên, thuyết kia chẳng phải là tông chỉ của Phật pháp.

Lại, ở mỗi chỗ kia, nếu không nêu tư, ở mỗi Khế kinh mà Đức Phật đã nói, lẽ ra thiếu, như Đức Thế Tôn nói: Giới, định, tuệ, giải thoát của Hữu học, Vô học, trong Khế kinh này đã không nêu tư, lẽ ra thiếu pháp tác ý v.v... khác. Nếu cho, nghe, nghĩa là đối với thuyết kia đã biết, nêu tuệ v.v... lẽ ra cũng vô dụng. Cho nên, thuyết kia giải thích về nhân, nhất định không đúng, thí dụ cũng phi lý, vì các kiến đã giữ chặt lấy, khó giải thoát. Vì chỉ rõ nghĩa trói buộc vững chắc, mạnh mẽ của các kiến, nên với phiền não, chỉ rõ lỗi chung, riêng. Tà kiến rất nặng trong hành vi ác của ý. Vì bày tỏ tà kiến vượt hơn tham, giận kia, về mặt lý, cần phải nói chung, riêng, nhằm dứt đối trị Tư đối với tín v.v... chưa

thấy công dụng vượt hơn, thì vì sao nói chung, riêng tư này? Cho nên, thí dụ kia không cân bằng với pháp.

Như vấn nạn trước, nếu chấp tư như tín v... tư làm tự tánh, thì tư và tín v.v... sẽ nói chung, riêng, lý ấy không thành. Thuyết kia lập dụ kiến, rốt ráo không giống nhau, chẳng phải các phiền não, tất cả các hành vi ác của ý đều dùng kiến làm tự thể, đâu được dùng kiến để nói chung, riêng, nên so sánh tư đồng với kiến kia, lẽ ra nói chung, riêng. Lại, nếu chấp nhận cho pháp tác ý v.v... kia đều lấy tư làm tánh, nhưng tư đã lập không đồng với tà kiến, sắc giới, xứ sắc, nếu là tăng thượng duyên, nếu là nhân Năng tác, nếu là tuệ phân biệt thì tu Tam-ma-địa, hành uẩn của giới pháp, xứ pháp được an lập, dứt trừ tác ý v.v... vì không có nhiều tư.

Hỏi: Lại, trong kinh này có nói riêng công dụng nào hay không?

Đáp: Nghĩa là Khế kinh nói: Nếu có đối tượng thọ, tức sẽ có đối tượng tư, nếu có đối tượng tư, thì sẽ có đối tượng tưởng, nếu có đối tượng tưởng thì có đối tượng tầm. Tông kia đã thừa nhận tầm tức là tư, nêu tầm là nương theo. Thượng tọa bộ kia nói: Kinh này chẳng phải nương theo, nếu không nêu tầm, nghi tư, tức là tác ý, dục v.v... thì tư này không nên nghi, vì tướng có khác nhau, thể của tầm tức là tư, tướng khác thế nào?

Nếu vậy thì nêu tầm, lẽ ra không có tác dụng? Lối chấp tầm, tư kia vì tướng của chúng là một. Lại, tác ý v.v... đã thừa nhận tức tư, nghi tư tức tầm kia, lại có lỗi gì? Cho nên, lời nói của thuyết kia đều không có nghĩa. Lại, thuyết kia nói: Hành vi tác ý v.v... không thể lìa tư. Biết có riêng: Nghĩa là đối với riêng, có trí, nên chánh cần cầu, Há không nhận biết, khiến cho tác ý v.v... đều lìa thể của tư, không có tánh riêng. Lại, như các ông thường nói: Khi tưởng, thức, dựa vào duyên hành chuyển biến tương tự, nên dù không thể biểu thị sự khác nhau của hai tướng, nhưng tông của các ông đã thừa nhận thể của tướng kia khác với tư, tác ý v.v... lẽ ra cũng như thế. Nếu ông không biết thể, thì đâu ngại gì khác? Nếu thể của tác ý v.v... khác với tư, vì sao không có kinh nào nói là hành uẩn?

Vì cũng nói hành, nghĩa là đã nói uẩn, nghĩa là nói tầm, tư, gọi là nói hành. Nói tín dục v.v... gọi là hạnh vượt hơn. Nói các mạng căn, gọi là hành mạng sống lâu, chẳng phải thể của các pháp này, không thuộc về uẩn, vì là hữu vi, như sắc, thọ v.v... Không có kinh nào nói là thuộc về uẩn khác kia, mà có trong kinh nói uẩn kia là hành, há có căn tánh nhạy bén nói chẳng phải hành uẩn. Lại, như lìa ái, nhân của thân

sau khác, dù nói là tập, nhưng không gọi là tập đế, mà ông không nên thừa nhận thuộc về phi đế, vì các pháp nhân, quả đều thuộc về đế, nên hành tác ý v.v... lẽ ra cũng như thế. Mặc dù nói là hành, nhưng không gọi hành uẩn, mà ông không nên thừa nhận, thuộc về phi uẩn, vì tất cả hữu vi thuộc về uẩn. Đức Thế Tôn căn cứ ở pháp vượt hơn, lại chỉ nói tứ, chẳng phải hành uẩn tác ý v.v... không thấu nhiếp. Lại, thuyết kia không nói như thế này: Đức Thế Tôn không có duyên nói về mật ngữ, vì là tứ, hành uẩn của pháp khác đã gồm nhiếp, như trước đã nói. Về lý rốt ráo được thành lập, cùng cực Há không phải là duyên của mật ngữ mà Phật nói. Lại, hành uẩn gồm nhiếp pháp khác ngoài tứ, về lý, thật ra là có mà chỉ nói tứ.

Hỏi: Đây là mật ý gì?

Đáp: Nếu không có mật ý, ấy là chê bai Đức Thế Tôn, nói là không thuận theo trí, nếu có mật ý, thì tức tự thành lập duyên mật ngữ của Phật, nên nói hành ngoài bốn, gọi là hành uẩn, nghĩa tương ứng với lý, giáo khéo thành lập, hành uẩn như thế, chẳng phải đều có chủ thể nương tựa, nên chỉ căn cứ thế gian, nói chung ba thứ. Như trước đã phân biệt về thể của sắc uẩn rồi, ấy là căn cứ ở hai môn xứ, giới để kiến lập.

Như thế, trong đây, đã nói về thể của ba uẩn thọ, tưởng, hành, rồi cũng nên kiến lập làm xứ và giới nghĩa là ba uẩn này và vô biểu sắc, ba thứ vô vi.

Bảy pháp như thế, ở trong môn xứ, lập làm xứ pháp, ở trong môn giới, lập làm pháp giới.

